

Chương XIII

CỤM TỪ CỐ ĐỊNH

I. KHÁI NIỆM

1. Đơn vị dùng làm chất liệu cơ sở để tạo ra câu – đơn vị giao tiếp không phải chỉ có từ. Ngoài từ ra, còn có một loại đơn vị gọi là cụm từ cố định. Có thể nêu một khái niệm giản dị cho cụm từ cố định điển hình như sau

Cụm từ cố định là đơn vị do một số từ hợp lại ; tồn tại với tư cách một đơn vị cố sẵn như từ, có thành tố cấu tạo và ngữ nghĩa cũng ổn định như từ.

Chính vì thế cụm từ cố định được gọi là đơn vị tương đương với từ. Chúng tương đương với nhau về tư cách của những đơn vị được làm sẵn trong ngôn ngữ ; và tương đương với nhau về chức năng định danh, chức năng tham gia tạo câu. Chẳng hạn, các cụm từ *...канля в море ; на безрыбе и ракыба...* trong tiếng Nga ; *to hold the balance even between two parties ; to speak by the book...* của tiếng Anh ; *ruộng cá ao liền ; qua cầu rút ván ; tóc rẽ tre ; con gái rượu...* của tiếng Việt... đều là những cụm từ cố định. Chúng được tái hiện và tái lập cũng như các từ vậy.

2. Cụm từ cố định cần được phân biệt với những đơn vị lân cận, dễ lẫn lộn với chúng, là từ ghép và cụm từ tự do

Trước hết, nếu so sánh một từ ghép điển hình với một cụm từ cố định điển hình ta thấy chúng đều giống nhau ở chỗ :

- + Cùng có hình thức chặt chẽ, cấu trúc cố định.
- + Cùng có tính thành ngữ.
- + Cùng là những đơn vị làm sẵn trong ngôn ngữ.

Ví dụ: *sinh viên, học tập, đồ rực, ngon lành, hoa hồng... ăn ốc nôi mò, mặt trái xoan, vênh vào như bố vợ phải dầm...*

Ở đây, cần nói thêm về cái gọi là tính thành ngữ. Thực ra, khái niệm này chưa phải là đã tuyệt đối rõ ràng. Nói chung, thường gặp nhất là cách hiểu như sau: Giả sử có một kết cấu X gồm các yếu tố a, b, c... hợp thành $X = a + b + c$. Nếu ý nghĩa của X mà không thể giải thích được bằng ý nghĩa của từng yếu tố a, b, c thì người ta bảo kết cấu X (hoặc tổ hợp X) có tính thành ngữ.

Vậy chúng ta rằng tính thành ngữ có các mức độ cao, thấp khác nhau trong các tổ hợp, kết cấu khác nhau; bởi vì cách tổ chức nội dung và hình thức của chúng theo những con đường, những phương sách rất khác nhau. Đối chiếu với các ví dụ nêu trên, ta sẽ thấy điều đó.

Từ ghép với cụm từ cố định phân biệt, khác nhau ở chỗ

+ Về thành tố cấu tạo: thành tố cấu tạo của từ ghép là hình vị; còn thành tố cấu tạo của cụm từ cố định là từ. So sánh:

<i>news</i>	+ <i>paper</i>	- <i>newspaper</i>
<i>ảnh</i>	+ <i>ương</i>	- <i>ảnh ương</i>
<i>speak</i>	+ <i>by</i> + <i>the</i> + <i>book</i>	- <i>speak by the book</i>
<i>bán</i>	+ <i>bò</i> + <i>tậu</i> + <i>ảnh</i> + <i>ương</i>	<i>bán bò tậu ảnh ương</i>

+ Về ý nghĩa: Nghĩa của cụm từ cố định được xây dựng và tổ chức theo lối tổ chức nghĩa của cụm từ; và nói chung là mang tính hình tượng. Chính vì vậy, nếu chỉ căn cứ vào bề mặt, vào nghĩa của từng thành tố cấu tạo thì nói chung là không thể hiểu được nghĩa đích thực của toàn cụm từ. Ví dụ: *anh hùng rơm, đồng không mông quạnh, tiếng bác tiếng chi...*

Trong khi đó, đối với từ ghép, thì nghĩa định danh (trực tiếp hoặc gián tiếp) theo kiểu tổ chức nghĩa của từ lại là cái cốt lõi và nổi lên hàng đầu.

Ví dụ: *mất cả (chân), đầu ruồi, chân vịt, đen nhánh, xanh lè, tre pheo, thuyền trưởng...*

3. Đối với cụm từ tự do, cụm từ cố định cũng có những nét giống nhau và khác nhau.

Chúng giống nhau bởi lẽ đương nhiên thứ nhất cả hai đều là cụm từ, được tạo lập bằng sự tổ hợp của các từ.

Nét giống nhau thứ hai là giống nhau về hình thức ngữ pháp. Điều này dẫn đến hệ quả là quan hệ ngữ nghĩa giữa các thành tố cấu tạo cũng giống nhau. Ví dụ

nhà ngôi cây mít ; nhà tranh vách đất... (cụm từ cố định)

cháo gà cháo vịt ; phở bò miền bắc... (cụm từ tự do)

Tuy vậy, quan sát kĩ thì thấy chúng khác nhau ở những mặt rất quan trọng.

- Cụm từ cố định hiện diện với tư cách là đơn vị của hệ thống ngôn ngữ, ổn định và tồn tại dưới dạng lâm sẵn. Trong khi đó cụm từ tự do được tạo ra trong lời nói, trong diễn từ (discourse). Nó hợp thành đấy, rồi tan đấy, vì nó không tồn tại dưới dạng một đơn vị lâm sẵn. Cụm từ tự do chỉ là sự lắp đầy từ vào một mô hình ngữ pháp cho trước mà thôi.

- Vì tồn tại dưới dạng lâm sẵn nên thành tố cấu tạo cụm từ cố định có số lượng ổn định, không thay đổi. Ngược lại, số thành tố cấu tạo cụm từ tự do có thể thay đổi tùy ý. Ví dụ *mẹ tròn con vuông, mỗi năm miêng mười...* số thành tố cấu tạo luôn luôn ổn định ; thế nhưng một cụm từ tự do *những người cười* chẳng hạn, có thể thêm bớt các thành tố một cách tùy ý để cho ta những cụm từ có kích thước khác nhau.

- *những người này* - *những người chưa nói đã cười này*

- *những người vừa mới đến mà chưa nói đã cười này...*

- Về ý nghĩa, cụm từ cố định có ý nghĩa như một chỉnh thể tương ứng với một chỉnh thể cấu trúc vật chất của nó. Có nghĩa là nó có tính thành ngữ rất cao ; còn cụm từ tự do thì không như vậy. Ví dụ chỉnh thể ý nghĩa của cụm từ cố định *rán sành ra mỡ ; méo miêng đòi ăn xôi vò ; say như điên đổ...* có tính thành ngữ cao đến mức tối đa ; còn những cụm từ tự do như *rán mỡ ; miêng cười ; say thuốc Lào...* thì tính thành ngữ của chúng chỉ là zero.

II. PHÂN LOẠI CỤM TỪ CỐ ĐỊNH

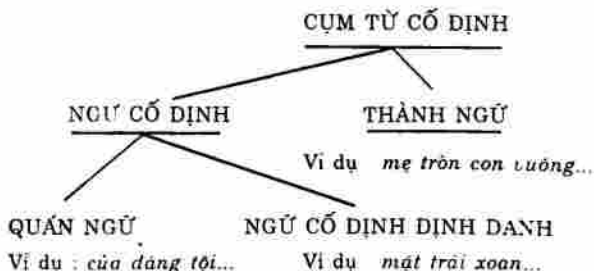
Mặc dù có nhiều điểm giống nhau về nguyên tắc, nhưng cách xây dựng, tạo lập cụm từ cố định trong các ngôn ngữ khác nhau; không hoàn toàn như nhau. Ví thế, cụm từ cố định trong các ngôn ngữ khác nhau có thể được phân loại khác nhau. Chẳng hạn N.M.Shanskij trong cuốn sách *Фразеология современного Русского языка* (M.1985) đã phân loại các cụm từ cố định trong tiếng Nga hiện đại như sau :

Phân loại theo mức độ tính chất về ngữ nghĩa : tách ra 5 loại

- Phân loại theo đặc điểm các từ trong thành phần của cụm từ cố định : tách thành 4 loại.
- Phân loại theo mô hình cấu trúc : tách ra 16 loại.
- Phân loại theo nguồn gốc : tách ra 6 loại.

Việc nghiên cứu cụm từ cố định của tiếng Việt tuy chưa thật sâu sắc và toàn diện nhưng đã có không ít kết quả công bố trong một số giáo trình giảng dạy trong nhà trường đại học và tạp chí chuyên ngành.

Nếu tạm thời chấp nhận tên gọi mà chưa xác định ngay nội dung khái niệm của chúng, thì có thể tóm tắt một trong những bức tranh phân loại cụm từ cố định tiếng Việt như sau :



Dưới đây là một số miêu tả cụ thể

1. Thành ngữ

1.a. *Định nghĩa*. Thành ngữ là cụm từ cố định, hoàn chỉnh về cấu trúc và ý nghĩa. Nghĩa của chúng có tính hình tượng hoặc / và gợi cảm.

Ví dụ : *ba cọc ba đồng ; chó cắn áo rách ; nhà ngói cây mít ; bán bò tậu ếch ương ; mèo miêng đòi ăn xôi vò ; ông mắt của kia bà chìa của nọ ; dùng dĩnh như chinh trời sông...*

Các cụm từ cố định – thành ngữ như thế đều thỏa mãn định nghĩa nêu trên. Chúng là những thành ngữ điển hình.

1.b. *Phân loại*. Có nhiều cách phân loại thành ngữ. Trước hết có thể dựa vào cơ chế cấu tạo (cả nội dung lẫn hình thức) để chia thành ngữ tiếng Việt ra hai loại.

1.b.1. *Thành ngữ so sánh*. Loại này bao gồm những thành ngữ có cấu trúc là một cấu trúc so sánh. Ví dụ : *lạnh như tiền ; rách như tổ đĩa ; cười không bằng lại mặt...*

Mô hình tổng quát của thành ngữ so sánh giống như cấu trúc so sánh thông thường khác

A ss B

Ở đây A là vế được so sánh. B là vế đưa ra để so sánh, còn *s* là từ so sánh *như, bằng, tựa, hết...*

Tuy vậy, sự hiện diện của thành ngữ so sánh trong tiếng Việt khá đa dạng, không phải lúc nào ba thành phần trong cấu trúc thành ngữ cũng phải đầy đủ. Chúng có thể có các kiểu :

A.ss.B. Đây là dạng đầy đủ của thành ngữ so sánh. Ví dụ : *đát như tôm tươi ; nhẹ như lông hồng ; lạnh như tiền ; dai như đĩa dôi ; rách như tổ đĩa ; dùng dĩnh như chinh trời sông ; lù dù như ông từ vào đền...*

(A).ss.B. Ở kiểu này, thành phần A của thành ngữ không nhất thiết phải có mặt. Nó có thể xuất hiện hoặc không ; nhưng người ta vẫn lĩnh hội đủ ý nghĩa của thành ngữ ở dạng toàn vẹn.

Ví dụ *(rẻ) như bèo ; (chắc) như đinh đóng cột ; (vui) như mở cờ trong bụng ; (to) như bồ tuột cạp ; (khinh) như rác ; (khinh) như mế ; (chậm) như rùa.*

ss. B. Trường hợp này, thành phần A không phải là của thành ngữ. Khi đi vào hoạt động trong câu nói, thành ngữ kiểu này sẽ được nối thêm với A một cách tùy nghi nhưng nhất thiết phải có A là của câu nói và nằm ngoài thành ngữ. Ví dụ

Ăn ở với nhau
 Xử sự với nhau
 Giữ ý giữ từ
 với nhau...



như mẹ chồng với nàng dâu.

Có thể kể ra một số thành ngữ kiểu này như :

như tâm ăn rồi ; như vịt nghe sấm ; như con chó ba tiền ; như gà mắc tóc ; như đĩa phải với ; như ngậm hột thị...

Đối với thành ngữ so sánh tiếng Việt, có thể nêu một vài nhận xét về cấu trúc của chúng như sau.

+ Về A (về được so sánh) không phải bao giờ cũng buộc phải hiện diện trên cấu trúc hình thức ; nhưng nội dung của nó thì vẫn luôn luôn là cái được "nhận ra". A thường là những từ ngữ biểu thị thuộc tính, đặc trưng hoặc trạng thái hành động... nào đó. Rất ít khi chúng ta gặp những khả năng khác.

+ Từ so sánh trong thành ngữ so sánh tiếng Việt phổ biến là từ *như* ; còn những từ so sánh khác, chẳng hạn *tựa, tựa như, như thể, bằng, tày...* (*guang tày liếp ; tôi tày đình ; cười không bằng lại mặt...*) chỉ xuất hiện hết sức ít ỏi.

+ Về B (về để so sánh) luôn luôn hiện diện ; một mặt để thuyết minh cho A, làm rõ A ; mặt khác, nhiều khi nó lại chỉ bộc lộ ý nghĩa của mình trong khi kết hợp với A, thông qua A. Ví dụ ý nghĩa "lạnh" của tiền chỉ bộc lộ trong *lạnh như tiền* mà thôi. Các thành ngữ : *nợ như chưa Chôm ; rách như tổ đĩa ; say như điếu đổ ; say khướt cò bợ...* cũng tương tự như vậy.

Mặt khác, các sự vật, hiện tượng, trạng thái... được nêu ở B phản ánh khá rõ nét những dấu ấn về đời sống văn hóa vật chất và tinh thần của dân tộc Việt. Đối chiếu với thành ngữ so sánh của các ngôn ngữ khác, ta dễ thấy sắc thái dân tộc của mỗi ngôn ngữ được thể hiện một phần ở đó.

+ Về B có cấu trúc riêng không thuần nhất.

- B có thể là một từ. Ví dụ : *lạnh như tiền ; rách như tổ diạ
nợ như chùa Chôm ; dống như bờ hòn ; rẻ như bèo ; khinh như mẹ.*

- B có thể là một cụm từ. Ví dụ : *như bóng với hình ; như mẹ
chồng với nàng dâu ; ngọt như mía lùi ; giữ như giữ mà tố.*

- B có thể là một kết cấu chủ - vị (một mệnh đề). Ví dụ : *như
đĩa phải với ; như chó nhai giẻ rách ; lừ đừ như ông từ vào đền ;
như thầy bói xem voi ; như xẩm sờ vò.*

Ngoài những điều nói trên, khi đối chiếu các thành ngữ so sánh
với các cấu trúc so sánh thông thường của tiếng Việt, ta thấy :

+ Các cấu trúc so sánh thông thường có thể có so sánh bậc
ngang hoặc so sánh bậc hơn. Ví dụ : Anh yêu em *như* yêu đất
nước. (so sánh bậc ngang).

Dung biết mình đẹp *hơn* Mai, (so sánh bậc hơn).

+ Từ so sánh và các phương tiện so sánh khác (chỗ ngừng, các
cặp từ phiếm định hô ứng. ...) được sử dụng trong các cấu trúc so
sánh thông thường, rất đa dạng : *như, bằng, tựa, hết, giống, chẳng
khác gì, y như là, hơn, hơn là...*

+ Một vế A trong cấu trúc so sánh thông thường có thể kết
hợp với một hoặc hai ; thậm chí một chuỗi nhiều hơn các vế B
qua sự nối kết với từ so sánh. Ví dụ :

- Kết hợp với một B : *Cổ tay em trắng như ngà,
Con mắt em liếc như là dao cau.*

- Kết hợp với một chuỗi B : Những chị cào cào (...) *khườn mặt
trái xoan như e then, như làm dăng, như ngượng ngùng.*

+ Cấu trúc so sánh thông thường rất đa dạng, trong khi đó
thành ngữ so sánh ít biến dạng hơn và nếu có thì cũng biến dạng
một cách giản dị như đã nêu trên. Lí do chính là ở chỗ thành ngữ
so sánh là cụm từ cố định ; chúng phải chặt chẽ và bền vững về
cấu trúc và ý nghĩa.

1.b.2. *Thành ngữ miêu tả ẩn dụ* Là thành ngữ được xây dựng
trên cơ sở miêu tả một sự kiện, một hiện tượng bằng cụm từ,
nhưng biểu hiện ý nghĩa một cách ẩn dụ.

Xét về bản chất, ẩn dụ cũng là so sánh ; nhưng đây là so sánh ngầm ; từ so sánh không hề hiện diện. Cấu trúc bề mặt của thành ngữ loại này không phản ánh cái nghĩa đích thực của chúng. Cấu trúc đó, có chăng chỉ là cơ sở để nhận ra một nghĩa "sơ khởi", "cấp một" nào đó ; rồi trên nền tảng của "nghĩa cấp một" này người ta mới rút ra, nhận ra và hiểu lấy ý nghĩa đích thực của thành ngữ. Ví dụ xét thành ngữ *ngã vào vũng đào*.

Cấu trúc bề mặt của thành ngữ này cho thấy :

- (Có người nào đó) bị ngã tức là gặp nạn, không may.
- Ngã, nhưng rơi vào vũng đào (một loại vũng được coi là sang trọng, tốt và quý) – tức là vẫn được đỡ bằng cái vũng, êm, quý, sang, không mấy ai và không mấy lúc được ngồi, nằm vào đó.

Từ cách hiểu cái nghĩa cơ sở qua cấu trúc bề mặt này, người ta rút ra và nhận lấy nghĩa thực của thành ngữ như sau :

Gặp tình huống tưởng như không may nhưng thực ra lại là rất may (và thích gặp tình huống đó hơn là không gặp bởi vì có lợi hơn là không gặp).

Căn cứ vào nội dung của thành ngữ miêu tả ẩn dụ kết hợp cùng với cấu trúc của chúng, có thể phân loại nhỏ hơn như sau :

Những thành ngữ miêu tả ẩn dụ nêu một sự kiện. Trong các thành ngữ này chỉ có một sự kiện, một hiện tượng nào đó được nêu. Chính vì vậy cũng chỉ một hình ảnh được xây dựng và phản ánh. Ví dụ : *ngã vào vũng đào ; nuôi ong tay áo ; nước đổ đầu vịt ; chó có vấy linh ; hàng thịt nguyệt hàng cá ; vãi thưa che mắt thánh ; mưa riu qua mắt thợ;...*

Những thành ngữ miêu tả ẩn dụ nêu hai sự kiện tương đồng. Ở đây, trong mỗi thành ngữ sẽ có hai sự kiện, hai hiện tượng được nêu, được phản ánh. Chúng tương đồng hoặc tương hợp với nhau (hiểu một cách tương đối).

Ví dụ : *ba đầu sáu tay ; nơi có sách mạch có chuông ; ăn trên ngồi trốc ; mẹ tròn con vuông ; hòn đất ném đi hòn chì ném lại;...*

Những thành ngữ miêu tả ẩn dụ nêu hai sự kiện tương phản. Ngược lại với loại trên, mỗi thành ngữ loại này cũng nêu ra hai

sự kiện, hai hiện tượng nhưng tương phản nhau hoặc chỉ ít cũng không tương hợp nhau. Ví dụ, các thành ngữ *một vốn bốn lời*; *méo miệng đòi ăn xôi vò*; *miếng thon thót dạ ột ngậm*; *bán bò tậu ẻnh ương*; *xấu mầu đòi ăn của dộc...*

Bên cạnh việc phân loại thành ngữ tiếng Việt theo cơ chế cấu tạo và cấu trúc, còn có thể phân loại chúng theo số tiếng. Một nét nổi bật đáng chú ý ở đây là các thành ngữ có số tiếng chẵn (bốn tiếng, sáu tiếng, tám tiếng) chiếm ưu thế áp đảo về số lượng (xấp xỉ 85%). Điều này có cơ sở của nó. Người Việt rất ưa lối nói cân đối nhịp nhàng và hài hòa về âm điệu. Ngay ở bậc từ ta cũng thấy rằng hiện nay các từ song tiết (hai tiếng) chiếm tỉ lệ hơn hẳn các loại khác.

Đến lượt mình, tỉ lệ 85% thành ngữ đó gây nên một áp lực về số lượng, khiến cho những cụm từ như: *trăng tui hoa sầu*; *tan của nát nhà*; *tháng đợi năm chờ*; *ân gió năm mưa*; *lót đỏ lườn đây*; *gìn vàng giữ ngọc...* nhanh chóng mang dáng dấp của các thành ngữ và rất hay được sử dụng.

2. Quán ngữ

Quán ngữ là những cụm từ được dùng lặp đi lặp lại trong các loại diễn từ (discourse) thuộc các phong cách khác nhau. Chức năng của chúng là để đưa đẩy, rào đón, để nhấn mạnh hoặc để liên kết trong diễn từ.

Ví dụ: *của dăng tội*; (*nói*) *bỏ ngoài tai*; *nói tóm lại*; *kết cục là*; *nói cách khác...*

Thật ra, tính thành ngữ và tính ổn định cấu trúc của quán ngữ không được như thành ngữ. Dạng vẻ của cụm từ tự do còn in đậm trong các cụm từ cố định thuộc loại này. Chỉ có điều, do nội dung biểu thị của chúng được người ta thường xuyên nhắc đến cho nên hình thức và cấu trúc của chúng cũng tự nhiên ổn định dần lại và rồi người ta quen dùng như một đơn vị cố sẵn.

Có thể phân loại các quán ngữ của tiếng Việt như sau, dựa vào phạm vi và tính chất phong cách của chúng.

Những quán ngữ hay dùng trong phong cách hội thoại, khẩu ngữ

của dăng tội ; khi vô phép ; khổ một nỗi là ; (nói) bỏ ngoài tai ; nói đại đồ di ; còn mờ ma ; nó chết (một) cái là ; nói (...) bỏ qua cho ; cần rom cần cỏ ; chẳng nước non gì ; dùng một cái ; chẳng ra chó gì , nói trộm bóng vía...

Những quán ngữ hay dùng trong phong cách viết (khoa học, chính luận...) hoặc diễn giảng như :

nói tóm lại ; có thể nghĩ rằng ; ngược lại ; một mặt thì ; mặt khác thì ; có nghĩa là ; như trên đã nói ; từ đó suy ra ; có thể cho rằng ; như sau ; như dưới đây ; như đã nêu trên ; sự thực là ; vấn đề là ở chỗ...

Khó lòng có thể phân tích, phân loại quán ngữ theo cơ chế cấu tạo hoặc cấu trúc nội tại của chúng. Tuy nhiên, sự tồn tại của những đơn vị gọi là quán ngữ không thể bỏ qua được ; và chức năng của chúng có thể chứng minh được không khó khăn gì. Tình trạng đa tạp và đầy biến động của các quán ngữ cũng như những đặc trưng bản tính của chúng, khiến cho ta nếu nghiêm ngặt thì phải nghĩ rằng chúng đứng ở vị trí trung gian giữa cụm từ tự do với cụm từ cố định chứ không hoàn toàn nghiêng hẳn về một bên nào, mặc dù ở từng quán ngữ cụ thể, có thể nặng về bên này mà nhẹ về bên kia một chút hay ngược lại.

3. Ngữ cố định định danh

3.a. Tên gọi này chúng ta tạm dùng (vì nó chưa thật chặt về nội dung) để chỉ những đơn vị vốn ổn định về cấu trúc và ý nghĩa hơn các quán ngữ rất nhiều, nhưng lại chưa có được ý nghĩa mang tính hình tượng như thành ngữ.

Chúng thực sự là các cụm từ cố định, nhưng được tạo dựng theo cách gần như cách tạo những từ ghép mà người ta vẫn hay gọi là từ ghép chính phụ. Chẳng hạn *quân sư quạu mo ; anh hùng rom ; kẻ luật sát ; tuần trăng mật ; con gái ruợu ; giọng ông kỉnh ; tóc rẽ tre ; mặt óc nhồi ; má bánh dục ; mũi dọc dừa...*

3.b. Thực chất đó là những cụm từ cố định, định danh, gọi tên sự vật. Trong mỗi cụm từ như vậy thường có một thành tố chính và một vài thành tố phụ miêu tả sự vật được nêu ở thành tố chính.